

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯƠNG HỮU NGUYỄN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯƠNG HỮU NGUYỄN
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUONG HUU NGUYEN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DUONG HUU NGUYEN.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110786629

3. Ngày thành lập: 17/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 30 phố Nguyễn Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904122236

Fax:

Email: congty.dhn9@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây hàng năm khác	0119
3.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
4.	Trồng cây lâu năm khác	0129
5.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
6.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
7.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
8.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
9.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
10.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
11.	Chăn nuôi gia cầm	0146
12.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
13.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
16.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
17.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
18.	Khai thác gỗ	0220
19.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
20.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
21.	Khai thác thủy sản biển	0311
22.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
23.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321

24.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
25.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
26.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
27.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
28.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
29.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
30.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
31.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
32.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
33.	Sản xuất chè	1076
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
36.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
37.	Xây dựng công trình điện	4221
38.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
39.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
40.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
41.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
42.	Xây dựng công trình thủy	4291
43.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
44.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
46.	Phá dỡ	4311
47.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
53.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
54.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
55.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
56.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
57.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530

58.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
59.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm, hoạt động đấu giá)	4610
62.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
63.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
64.	Bán buôn thực phẩm	4632
65.	Bán buôn đồ uống	4633
66.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
67.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
68.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (Điều 32 Luật Dược 2016); - Bán buôn trang thiết bị y tế (Chương VI - Nghị định 98/2021/NĐ-CP) - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
69.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
70.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
73.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
74.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
75.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
76.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
77.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4690
78.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
79.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

80.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
81.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
82.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
83.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
84.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
85.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
86.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
87.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
88.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
89.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
90.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
91.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
92.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ dược phẩm)	4772
93.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
94.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
95.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4791
96.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
97.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
98.	Bốc xếp hàng hóa	5224
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
100.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
101.	Cơ sở lưu trú khác	5590
102.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

103.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
104.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
105.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quán bar, vũ trường)	5630
106.	Lập trình máy vi tính	6201
107.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
108.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
109.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
110.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
111.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết : Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	6619
112.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Luật Kinh doanh bất động sản)	6810
113.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản(Luật Kinh doanh bất động sản) (Loại trừ hoạt động đấu giá)	6820
114.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, chứng khoán, kế toán, pháp luật)	7020
115.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
116.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất	7410
117.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
118.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
119.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc	7110

120.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra) (loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
121.	Cho thuê xe có động cơ	7710
122.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
123.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
124.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
125.	Đại lý du lịch	7911
126.	Điều hành tua du lịch	7912
127.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
128.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
129.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
130.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
131.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
132.	Dịch vụ đóng gói	8292
133.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ loại Nhà nước cấm) (Loại trừ hoạt động đấu giá)	8299
134.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ HẢI LONG	Số nhà 30 phố Nguyễn Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	0010770244 70	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000		
2	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	73/466 Ngô Gia Tự, Tổ 15, , Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	0011760529 31	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		

3	DƯƠNG NGỌC ANH	P402 – C1B, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	60,000	0380770032 52
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	60,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ HẢI LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/09/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001077024470

Ngày cấp: 29/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 31, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 30 phố Nguyễn Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội